

# TIỂU SỬ CHU VĂN AN

(朱文安)



*(Tượng thờ Chu Văn An  
tại Văn Miếu-Quốc Tử Giám)*

Chu Văn An tên thật là Chu An, hiệu là Tiều Ẩn, tên chữ là Linh Triệt, tên thụy là Văn Trinh. Theo thần tích đình làng Thanh Liệt, nơi thờ ông làm thành hoàng, thì ông sinh năm Nhâm Thìn (1292) và mất năm Canh Tuất (1370). Ông là một nhà giáo, một thầy thuốc và cũng là một đại quan nhà Trần, được phong tước Văn Trinh Công nên đời sau quen gọi Ông là Chu Văn An. Ông người làng Văn Thôn, xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm (nay là huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội).

Chu Văn An ngay từ hồi còn trẻ đã nổi tiếng là một người cương trực, sửa mình trong sạch, giữ tiết tháo, không cầu danh lợi, chỉ ở nhà đọc sách. Sau khi thi đậu Thái học sinh, là người chính trực nên Ông không ra làm quan, chỉ ở nhà mở trường dạy học ở làng Huỳnh Cung, bên kia sông Tô Lịch. Ông có công lớn trong việc truyền bá, giáo dục tư tưởng đạo đức Khổng giáo vào Việt Nam.

Học trò theo học Ông rất đông. Trong số môn đệ ông có nhiều người thành đạt, thi đỗ ra làm quan to trong triều như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát, khi về thăm thầy vẫn giữ lễ, được thầy nói chuyện ít lời thì rất lấy làm mừng. Có những học trò cũ không tốt, ông thẳng thắn quở trách, thậm chí quát mắng không cho gặp. Tính nghiêm nghị, tư cách thanh cao và học vấn sâu rộng làm cho tiếng tăm ông ngày càng lan xa. Đức độ và uy tín của ông như vậy, khiến cho học trò đến theo học càng nhiều và có đủ các loại.

Một huyền thoại vẫn được lưu truyền là khi Chu Văn An mở trường dạy học ở quê nhà, có nhiều học trò tìm đến theo học. Trong số này có một người sáng nào cũng đến thật sớm nghe giảng. Thầy dạy khen là chăm chỉ nhưng không rõ tông tích ở đâu, ông bèn cho người dò xem thì trò đó cứ đến khu đầm Đại là biến mất. Ông biết là thần nước. Gặp lúc đại hạn kéo dài, giảng bài xong ông tụ tập các trò lại hỏi xem ai có tài thì làm mưa giúp dân, giúp thầy. Người học trò kỳ lạ trước có vẻ ngần ngại, sau đứng ra xin nhận và nói với thầy: “Con vâng lời thầy là trái lệnh Thiên đình, nhưng con cứ làm để giúp dân. Mai kia nếu có chuyện gì không hay, mong thầy chu toàn cho”. Sau đó người này ra giữa sân lấy nghiên mài mực, ngửa mặt lên trời khấn và lấy bút thấm mực vẩy ra khắp nơi. Vẩy gần hết mực, lại tung cả nghiên lẫn bút lên trời. Lập tức mây đen kéo đến, trời đổ mưa một trận rất lớn. Đêm hôm ấy có tiếng sét và đến sáng thấy có thầy thường luồng nổi lên ở đầm. Ông được tin khóc thương luyến tiếc rồi sai học trò làm lễ an táng, nhân

dân các làng lân cận cũng đến giúp sức và sau nhớ công ơn bèn lập đền thờ. Nay vẫn còn dấu vết mộ thần. Theo truyền thuyết, chỗ nghiên mực bị ném rơi xuống đã biến thành đầm nước lúc nào cũng đen, nên thành tên là Đầm Mực. Quần bút rơi xuống làng Tả Thanh Oai biến làng này thành một làng văn học quê hương của Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm, v.v... Đây chỉ là một giai thoại về ông để nói rằng tài đức của ông có sức mạnh cảm hóa được cả quý thần. Tuy nhiên, qua đó cũng thấy được đức độ của ông lúc đương thời là rất lớn.

Năm Khai Thái đời Vua Trần Minh Tông (1314-1329) Ông mới nhận chức Quốc tử giám tư nghiệp, dạy cho thái tử Trần Vượng học (thái tử là vua Trần Hiến Tông trong tương lai). Ông đã cùng với Mạc Đĩnh Chi, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trung Ngạn tham gia vào công việc củng cố triều đình lúc đó đang đi dần vào con đường khủng hoảng, suy thoái.

Đến đời Trần Dụ Tông (1341-1369), ban đầu vì Dụ Tông còn ít tuổi nên có thượng hoàng Trần Minh Tông lo việc triều chính. Sau khi thượng hoàng Minh Tông mất (1357), Dụ Tông tự mình cầm quyền chính. Nhưng Dụ Tông không có tài trị nước. Nhà vua mãi mê chơi bời, thích tửu sắc hát xướng, bỏ bê việc nước. Tình cảnh xã hội rất nhiều nhượng, chính sự càng thối nát. Bọn quyền thần cận thần nhiều người bắt tài, o bế vua để lộng quyền, hà khắc, tham nhũng, làm nhiều điều vô đạo. Dân tình đói khổ.

Chu Văn An vốn là người điềm đạm, thẳng thắn, cương trực, có uy tín cao trong triều. Nhìn trung thần nghĩa sĩ bị hãm hại, các quan ngự sử chuyên việc can vua giờ chỉ biết ngồi im ăn lộc (ai có ý định can vua, gia đình phải phát tang làm ma sống rồi mới vào triều) Ông đã dũng cảm dâng “*Thất trăm sớ*” xin chém bảy tên nịnh thần, đều là người quyền thế được vua yêu. Nhưng vua không nghe. Sớ thất trăm ấy bị thất truyền, không rõ nội dung như thế nào, ngay đương thời cũng ít người được biết Ông đã xin chém những ai. Có thể Dụ Tông muốn tránh rắc rối cho triều đình và giữ yên cho Chu Văn An nên đã hủy đi. Dù thế, thất trăm sớ đã gây chấn động dư luận, nói như người xưa “làm kinh động quý thần” và trở thành biểu tượng chói sáng của thái độ trí thức trước thời cuộc.

Do “Thất trăm sớ” không được thực hiện ông bèn “treo mũ ở cửa Huyền Vũ” rồi từ quan lui về ở ẩn tại núi Phụng Hoàng, làng Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, lấy hiệu là Tiểu Ẩn (người đi hái củi ẩn dật). Ông dạy học và viết sách cho tới khi qua đời tại đây. Ông mất năm Thiệu Khánh thứ nhất đời Trần Nghệ Tông (1370), được vua làm lễ tế và đặt tên thụy là Văn Trinh.

Theo thư tịch cũ thì Chu Văn An viết nhiều sách, ông đã để lại cho đời sau những tác phẩm: hai tập thơ “*Quốc ngữ thi tập*” bằng chữ Nôm và “*Tiểu ẩn thi tập*” bằng chữ Hán. Ông còn viết một cuốn sách biện luận giản ước về Tứ thư nhan đề “*Tứ thư thuyết ước*”. Theo một tài liệu nghiên cứu gần đây thì Chu Văn An còn là một nhà đồng y đã biên soạn quyển “*Y học yếu giải tập chu di biên*” gồm những lý luận cơ bản về chữa trị bệnh bằng Đông y.

Nhưng cho tới nay người ta mới chỉ sưu tầm được có 12 bài thơ của ông chép trong “Toàn Việt thi lục” do Lê Quý Đôn sưu tập, còn hầu như bị thất lạc cả. Phan Huy Chú nhận xét: “lời thơ trong sáng u nhàn”. Đây là thơ Chu Văn An viết khi lui về ở ẩn tại núi Phụng Hoàng, Chí Linh. Nói chung thơ các ẩn sỹ thường có phong vị u nhàn, nhưng với Chu Văn An u nhàn chỉ là ở cái giọng thơ. Thơ ông chịu ảnh hưởng của đạo Phật như nhiều nhà thơ thời ấy, nhưng chủ yếu hơn, ông rất trọng hiện thực, tin vào sự chiêm nghiệm của mình, không thiên kiến, không theo những nếp nghĩ có sẵn. Tuy thơ ông ca ngợi sự lánh đời, chúng ta lắng nghe vẫn thấy ở phía sau một nỗi niềm chưa hẳn thoát tục “Thốn tâm thù vị như hôi thổ” (lòng đâu đã nguôi như tro đất). Sau thất trăm sớ làm sao ông còn ở kinh đô được nên Ông ở ẩn là do tình thế bất buộc, mang theo một chí nguyện không thành, muốn giúp đời mà không giúp được, chứ đâu phải vì ham thú tiêu dao hạc nội mây ngàn. Ông lánh thân nhưng lòng vẫn ở giữa đời.

Cuộc đời thanh bạch và tiết tháo của Ông là tấm gương sáng của thời phong kiến. Khi ông mất, vua Trần đã dành cho ông một vinh dự lớn bậc nhất đối với một trí thức là được thờ ở Văn Miếu. Sự nghiệp của ông được ghi lại trong văn bia ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Vua còn ban

tặng tên thụy cho ông là Văn Trinh. Tên thụy như vậy nhằm biểu dương một người đã kết hợp được hai mặt của đạo đức: bên ngoài thuần nhã, hiền hòa với bên trong chính trực, kiên định. Trong lịch sử giáo dục nước nhà, ông cũng đã giành được địa vị cao quý bậc nhất, xứng đáng đứng đầu các nhà giáo từ xưa tới nay. Ông đã vượt qua ngưỡng cửa: làm thầy giáo giỏi của một đời để đạt tới làm thầy giáo giỏi của muôn đời như Phan Huy Chú đã ngợi ca ông: “học nghiệp thuần túy, tiết tháo cao thượng, làng Nho nước Việt trước sau chỉ có mình ông, các ông khác không thể so sánh được”.

Câu đối thờ Chu Văn An mà người đời mãi mãi còn truyền tụng để tỏ lòng mến phục:

*Trần văn thử hà thời, đục vịnh đại phi hiền giả lạc  
Phượng sơn tồn ẩn xứ, trữ lưu trường ngưỡng triết nhân phong.*

(Cuối đời Trần là thời nào, ngâm vịnh dong chơi  
há chẳng phải là cái thú vui của bậc hiền giả  
Núi Phượng vẫn còn dấu vết ở ẩn  
núi sông vẫn mãi mãi ngưỡng mộ phong thái của kẻ triết nhân.)

**NGŨ TẦNG GIAO**  
Xuân Canh Dần 2010

**Tài liệu tham khảo:**

- 1) Thơ Văn Lý Trần (nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978)
- 2) Tự Điển Bách Khoa Toàn Thư Việt Nam
- 3) Thivien.net
- 4) Wikisource.org
- 5) VietSciences.org



(Đền thờ Chu Văn An)